

Số: 1931/BC-BCA

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của chính sách đề nghị xây dựng Luật Căn cước công dân (sửa đổi)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành có liên quan, Bộ Công an báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Căn cước công dân (sửa đổi) như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Qua 06 năm tổ chức triển khai thực hiện Luật Căn cước công dân đã cho thấy sự triển khai nghiêm túc, hiệu quả của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân, Công an các cấp. Bộ Công an đã giúp Chính phủ chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi việc triển khai, thực hiện Luật Căn cước công dân đạt nhiều kết quả. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được tiến hành rộng rãi, hiệu quả, qua đó đã nâng cao nhận thức pháp luật về căn cước công dân của các cơ quan, tổ chức và của người dân.

Việc triển khai thực hiện Luật Căn cước công dân đã bảo đảm được yêu cầu quản lý nhà nước về căn cước công dân trong tình hình mới, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội ở các cấp, hỗ trợ đắc lực trong phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, giữ gìn an ninh, trật tự.

Với việc ứng dụng công nghệ thông tin, toàn bộ quy trình cấp, quản lý Căn cước công dân được thực hiện trên máy móc hiện đại nên thu nhận thông tin trở nên đơn giản, nhanh chóng, thuận tiện hơn. Thẻ Căn cước công dân sản xuất theo công nghệ hiện đại, tuân thủ tiêu chuẩn ISO, ICAO... có độ bền cao, hình thức đẹp, dễ bảo quản, dễ sử dụng và có các yếu tố bảo an, chống sao chép, chống làm giả, tạo sự tin cậy, bảo mật thông tin.

Tuy nhiên trong thời gian vừa qua, Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản đề đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế như:

- Nghị quyết số 36/NQ-TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế đề ra giải pháp: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quốc phòng, an ninh;

- Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đề ra mục tiêu đến năm 2030 toàn bộ dân số Việt Nam được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn quốc;

- Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22/6/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới đề ra nhiệm vụ: Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, nhất là quản lý xuất, nhập cảnh, quản lý cư trú...;

- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 05 năm (2011-2015) và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 05 năm (2015-2020) trình Đại hội đại biểu Toàn quốc lần thứ 12 của Đảng nêu rõ: Có cơ chế đặc thù để triển khai những dự án khoa học, công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

- Nghị quyết số 112/NQ-CP ngày 30/10/2017 của Chính phủ về phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công an xác định đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan tới công tác đăng ký, quản lý cư trú;

- Nghị quyết số 10-NQ/ĐUCA ngày 08/01/2018 của Đảng ủy Công an Trung ương về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, xây dựng lực lượng Công an nhân dân năm 2018 và những năm tiếp theo đề ra nhiệm vụ, giải pháp: Tăng cường quản lý cư trú, quản lý dân cư góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự.

Tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 đã xác định các nhiệm vụ chính liên quan đến ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phát huy giá trị, tiện ích thẻ Căn cước công dân gồm:

(1) Hoàn thành tích hợp, cung cấp dịch vụ xác thực thông tin về số Chứng minh nhân dân (9 số) với Căn cước công dân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để 100% tài khoản định danh điện tử của cá nhân đã được tạo lập bởi Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh thực hiện được việc xác thực với danh tính điện tử do Bộ Công an cung cấp.

(2) Bảo đảm từng bước thay thế các giấy tờ cá nhân trên cơ sở tích hợp, xác thực các thông tin, giấy tờ cá nhân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để chỉ cần sử dụng thẻ Căn cước công dân, ứng dụng định danh điện tử quốc gia (VNeID), trong đó, tập trung thực hiện ngay đối với một số giấy tờ như: Bảo hiểm y tế, giấy phép lái xe, mã số chứng chỉ hoặc giấy phép hành nghề, tiêm chủng, giáo dục, thẻ cán bộ, công chức, viên chức...

(3) Nghiên cứu, triển khai thí điểm việc ứng dụng các tính năng, tiện ích có sẵn của chip điện tử trên thẻ Căn cước công dân đối với các lĩnh vực tài chính, hoạt động ngân hàng và một số lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội khác.

(4) Triển khai rộng rãi việc ứng dụng các tính năng, tiện ích của chip điện tử trên thẻ Căn cước công dân đối với các lĩnh vực tài chính, hoạt động ngân hàng (mở tài khoản, nhận biết khách hàng, thanh toán, cho vay, ví điện tử...) và một số lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội khác.

(5) Triển khai ứng dụng các tính năng của chip điện tử gắn trên thẻ Căn cước công dân và ứng dụng VNeID trong các lĩnh vực của đời sống, xã hội nhất là các lĩnh vực chuyên đổi số mạnh nhất như: Ngân hàng (mở tài khoản, nhận biết khách hàng, thanh toán, cho vay, ví điện tử...), tài chính, viễn thông, điện, nước.

(6) Đánh giá rà soát các văn bản pháp luật để triển khai thực hiện tích hợp thông tin các giấy tờ cá nhân vào thẻ căn cước công dân gắn chip.

Tại Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển dữ liệu số quốc gia tạo nền tảng cho triển khai Chính phủ số, bảo đảm cung cấp, chia sẻ dữ liệu chất lượng thông suốt giữa các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật để hỗ trợ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số đã xác định nhiệm vụ nâng cao việc ứng dụng cơ sở dữ liệu, phát huy giá trị của thẻ căn cước công dân vào các hoạt động quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế và khu vực, đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia theo Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Theo đó, để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thi hành Luật Căn cước công dân năm 2014 và đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xác định cụ thể nêu trên, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Luật Căn cước công dân năm 2014 để tạo cơ sở pháp lý triển khai thực hiện.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

- Mục tiêu tổng thể:

Việc sửa đổi, bổ sung Luật Căn cước công dân năm 2014 nhằm đáp ứng các mục tiêu sau:

Một là, phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Mục tiêu cung cấp các dịch vụ công trực tuyến thiết yếu (như lĩnh vực cư trú, hộ tịch, bảo hiểm xã hội, giáo dục, y tế, đất đai, lao động...) để phục vụ người dân, doanh nghiệp trên cơ sở sử dụng xác thực, chia sẻ bằng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Hai là, phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

Nghiên cứu, triển khai việc ứng dụng các tính năng của chip điện tử trên thẻ Căn cước công dân đối với các lĩnh vực tài chính, ngân hàng và một số lĩnh

vực phát triển kinh tế, xã hội khác. Tích hợp, phát triển các ứng dụng trên nền tảng hệ thống định danh điện tử với các ứng dụng cốt lõi như: Ví điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, chứng khoán, điện, nước... lên ứng dụng VNeID, mã QR của thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử. Phát triển, hoàn thiện và triển khai hiệu quả ứng dụng di động công dân số từ VNeID trên cơ sở mở rộng tích hợp các thông tin, dịch vụ như y tế, bảo hiểm, giấy phép lái xe, ngân hàng, thanh toán điện tử, ứng cứu khẩn cấp, phản ánh hiện trường, tố giác tội phạm...

Ba là, phục vụ công dân số.

Hiện nay, công dân có rất nhiều loại giấy tờ khác nhau, như căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, giấy phép lái xe, giấy đăng ký xe, các loại bằng cấp, chứng chỉ... Nhằm tạo điều kiện cho công dân, cần phải xác thực 100% các thông tin thiết yếu, quan trọng trên ứng dụng VNeID hoặc qua thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử như: Thông tin tiêm chủng, xét nghiệm, giấy phép lái xe, đăng ký xe... từng bước thay thế các giấy tờ của công dân trong một số các giao dịch theo quy định pháp luật. Cung cấp các dịch vụ công, dịch vụ thương mại phục vụ tiện ích số của công dân trên ứng dụng VNeID như: Dịch vụ cư trú, căn cước công dân, thương mại điện tử, thanh toán điện tử và các dịch vụ khác.

Bốn là, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư.

Triển khai hiệu quả việc kết nối, chia sẻ giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã có như: Cơ sở dữ liệu giáo dục, cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu thuế..., bảo đảm giải quyết các thủ tục phục vụ công dân chính xác và thuận lợi.

Năm là, phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp.

Trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các thông tin đã được tích hợp, sử dụng ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tổng hợp, phân tích, dự báo các thông tin để phục vụ việc điều hành Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hoạch định chính sách kinh tế, xã hội.

- Mục tiêu cụ thể:

(1) Quy định việc tích hợp thông tin khác ngoài thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân vào thẻ Căn cước công dân; thẻ Căn cước công dân có giá trị sử dụng để cung cấp thông tin về công dân và tương đương việc xuất trình các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp có thông tin đã được in hoặc tích hợp trong thẻ Căn cước công dân.

(2) Bổ sung thông tin lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

(3) Bổ sung đối tượng được cấp thẻ Căn cước công dân và đối tượng được cấp giấy chứng nhận căn cước.

(4) Hoàn thiện quy định về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân; tài khoản định danh điện tử (căn cước điện tử) và việc sử dụng tài khoản định danh điện tử; cấp, hủy số định danh cá nhân; quy định về việc sử dụng thống nhất thẻ Căn cước công dân và việc hạn chế phát sinh thủ tục hành chính có liên quan.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Trên cơ sở tiếp tục kế thừa các chính sách hiện hành còn hiệu quả, phù hợp với thực tiễn quy định tại Luật Căn cước công dân năm 2014 như việc thực hiện quản lý dân cư bằng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân; cấp thẻ Căn cước công dân thay thế cho Chứng minh nhân dân, Bộ Công an đề xuất 04 chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Căn cước công dân (sửa đổi) gồm:

1. Chính sách 1: Quy định việc tích hợp thông tin khác ngoài thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân vào thẻ Căn cước công dân; thẻ Căn cước công dân có giá trị sử dụng để cung cấp thông tin về công dân và tương đương việc xuất trình các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp có thông tin đã được in hoặc tích hợp trong thẻ Căn cước công dân.

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Công dân có nhiều loại giấy tờ khác nhau do cơ quan, tổ chức cấp như thẻ Căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế, sổ bảo hiểm xã hội, giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, giấy phép lái xe, giấy khai sinh, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, văn bằng, chứng chỉ... Việc có quá nhiều loại giấy tờ khác nhau được cơ quan, tổ chức cấp cho công dân gây ra khó khăn nhất định cho công dân trong bảo quản, sử dụng, nhất là trong thực hiện các thủ tục hành chính, sử dụng các tiện ích, dịch vụ công; không phù hợp với xu hướng chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước, hoạt động xã hội đang ngày càng phát triển ở nước ta. Trong khi đó, Luật Căn cước công dân không có các quy định về việc tích hợp, khai thác, sử dụng thông tin trên thẻ Căn cước công dân (bao gồm thông tin về căn cước công dân và các thông tin trên giấy tờ khác của công dân được tích hợp vào thẻ Căn cước công dân qua chip điện tử và mã QR code) nên việc phát triển các ứng dụng, dịch vụ tiện ích của thẻ Căn cước công dân vào giao dịch dân sự, thực hiện chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính còn gặp nhiều khó khăn, thiếu đồng bộ, thống nhất; nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương chưa tham gia triển khai hoạt động chuyển đổi số, giảm thiểu giấy tờ cho công dân vì đây không phải là nội dung được quy định trong luật.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Bổ sung quy định về việc tích hợp các thông tin có tính ổn định, được sử dụng thường xuyên của công dân (ngoài thông tin về căn cước công dân) vào thẻ Căn cước công dân (qua chip điện tử trên thẻ Căn cước công dân và mã QR code) để giúp giảm giấy tờ cho công dân, tạo thuận lợi cho công dân trong thực hiện giao dịch dân sự, thực hiện chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính như: Thông tin về thẻ bảo hiểm y tế, sổ bảo hiểm xã hội, giấy phép lái xe, văn bằng, chứng chỉ, giấy khai sinh, giấy chứng nhận kết hôn hoặc giấy tờ khác thuộc lĩnh vực quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

Thẻ Căn cước công dân có giá trị sử dụng để cung cấp thông tin về công dân và tương đương việc xuất trình các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp có thông tin đã được in hoặc tích hợp trong thẻ Căn cước công dân.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định có liên quan tại Luật hiện hành.

Giải pháp 2: Bổ sung quy định về việc tích hợp một số thông tin khác của công dân (ngoài thông tin về căn cước công dân) vào thẻ Căn cước công dân; không thay thế giấy tờ có thông tin được tích hợp.

Cụ thể là:

- Bổ sung quy định về nguyên tắc thu thập, tích hợp thông tin.
- Bổ sung quy định về hình thức tích hợp, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện tích hợp thông tin.
- Bổ sung quy định về loại thông tin được tích hợp (như thông tin về thẻ bảo hiểm y tế, sổ bảo hiểm xã hội, đăng ký phương tiện, giấy phép lái xe, thẻ cán bộ, công chức, viên chức, thẻ học sinh, sinh viên, thẻ hành nghề, văn bằng, chứng chỉ hoặc giấy tờ khác thuộc lĩnh vực quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ sau khi thống nhất với Bộ Công an).
- Bổ sung quy định chuyển tiếp, lộ trình tích hợp thông tin.

Giải pháp 3: Bổ sung quy định về việc tích hợp một số thông tin có tính ổn định, được sử dụng thường xuyên của công dân ngoài thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân vào thẻ Căn cước công dân; thẻ Căn cước công dân có giá trị sử dụng để cung cấp thông tin về công dân và tương đương việc xuất trình các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp có thông tin đã được in hoặc tích hợp trong thẻ Căn cước công dân.

Cụ thể là:

- Bổ sung quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục để thu thập, tích hợp thông tin.

- Bổ sung quy định về loại thông tin được tích hợp (như thông tin về thẻ bảo hiểm y tế, sổ bảo hiểm xã hội, giấy phép lái xe, văn bằng, chứng chỉ, giấy khai sinh, giấy chứng nhận kết hôn hoặc giấy tờ khác thuộc lĩnh vực quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ sau khi thống nhất với Bộ Công an).

- Bổ sung quy định về giá trị sử dụng của thông tin được tích hợp trong thẻ Căn cước công dân.

- Bổ sung quy định về hình thức tích hợp, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện tích hợp thông tin.

- Bổ sung quy định chuyển tiếp, lộ trình tích hợp thông tin.

- Bổ sung quy định về sửa đổi, bổ sung các luật có liên quan cho đồng bộ, thống nhất, để thực hiện việc tích hợp thông tin vào thẻ Căn cước công dân và thẻ Căn cước công dân có giá trị sử dụng để cung cấp thông tin về công dân và tương đương việc xuất trình các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp có thông tin đã được in hoặc tích hợp trong thẻ Căn cước công dân.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định có liên quan tại luật hiện hành.

a) Tác động về kinh tế

(1) Về mặt tích cực:

- Nhà nước không phát sinh chi phí sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản để điều chỉnh chính sách.

- Cơ quan, tổ chức không phải đầu tư máy móc, thiết bị, số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu để quản lý tập trung các giấy tờ do mình quản lý, cấp.

- Đối với cá nhân: Không

(2) Về mặt tiêu cực:

- Đối với cơ quan, tổ chức: Tốn chi phí để sản xuất, in cấp, quản lý các loại giấy tờ đã cấp cho công dân; không có biện pháp để giảm chi phí giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức.

- Đối với cá nhân: Tốn chi phí trong việc đề nghị cơ quan, tổ chức cấp, trích lục, chứng thực các loại giấy tờ của bản thân; tốn chi phí trong giải quyết thủ tục hành chính như chi phí bưu chính, kê khai nhiều loại giấy tờ khác nhau...

b) Tác động về xã hội

(1) Về mặt tích cực:

Không làm xáo trộn các chính sách hiện hành liên quan đến cấp, quản lý,

sử dụng giấy tờ của công dân; không làm thay đổi thói quen, cách thức giải quyết các thủ tục hành chính của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân.

(2) Về mặt tiêu cực:

- Cơ quan, tổ chức phải tốn nhiều thời gian để kiểm tra, xác minh thông tin, giấy tờ do cá nhân, tổ chức cung cấp khi giải quyết các thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ; bố trí nhiều nhân lực để giải quyết thủ tục hành chính và quản lý hệ thống hồ sơ giấy tờ của công dân.

- Đối với công dân: Phải bảo quản, mang theo nhiều loại giấy tờ khác nhau khi cần sử dụng để thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự hay các hoạt động khác cần phải xuất trình giấy tờ cá nhân.

c) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

(1) Về mặt tích cực: Không làm thay đổi quy định về thủ tục hành chính có liên quan đến các giấy tờ của công dân.

(2) Về mặt tiêu cực: Không cải thiện, giúp đơn giản hóa giấy tờ, thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(1) Về mặt tích cực: Không làm thay đổi hệ thống pháp luật có liên quan.

(2) Về mặt tiêu cực:

Không giảm, bãi bỏ được quy định pháp luật liên quan đến cấp, quản lý một số loại giấy tờ của công dân; không giải quyết được các bất cập liên quan đến quy định pháp luật về thủ tục hành chính, dịch vụ công.

Giải pháp 2: Bổ sung quy định về việc tích hợp một số thông tin khác của công dân (ngoài thông tin về căn cước công dân) vào thẻ Căn cước công dân; không thay thế giấy tờ có thông tin được tích hợp.

a) Tác động về kinh tế

(1) Về mặt tích cực:

- Đối với cơ quan nhà nước: Giảm chi phí giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức khi sử dụng thẻ Căn cước công dân có gắn chip đã được tích hợp các thông tin có liên quan đến lĩnh vực mình quản lý. Giảm chi phí để cấp giấy tờ cho công dân khi thông tin trên giấy tờ đó đã được tích hợp vào thẻ

Căn cước công dân có gắn chíp (nếu công dân không có nhu cầu cấp bản giấy hoặc chỉ cần bản điện tử của giấy tờ đó) (như hiện nay chi phí để cấp đổi giấy phép lái xe là 135.000đ, chi phí để cấp đăng ký xe là 30.000đ, chi phí để cấp văn bằng, chứng chỉ trung bình từ 10.000đ – 50.000đ/văn bằng, chứng chỉ).

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp: Giảm chi phí trong thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự.

- Đối với cá nhân: Tiết giảm được các chi phí trong việc đề nghị cơ quan, tổ chức cấp, trích lục, chứng thực các loại giấy tờ của bản thân; giảm chi phí trong giải quyết thủ tục hành chính như chi phí bưu chính, kê khai nhiều loại giấy tờ khác nhau...

(2) Về mặt tiêu cực:

- Đối với cơ quan nhà nước: Phát sinh chi phí sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản để điều chỉnh chính sách. Các cơ quan phải đầu tư, cải tiến máy móc, thiết bị, số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu để quản lý tập trung các giấy tờ do mình quản lý, cấp. Cơ quan quản lý căn cước công dân phải đầu tư máy móc, thiết bị thực hiện việc tích hợp, bổ sung thông tin vào thẻ Căn cước công dân.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp: Phát sinh chi phí về mua sắm máy móc, thiết bị để đọc, khai thác thông tin được tích hợp trong thẻ Căn cước công dân khi có nhu cầu.

- Đối với cá nhân: không.

b) Tác động về xã hội

(1) Về mặt tích cực:

- Đối với cơ quan nhà nước: Không phải tốn nhiều thời gian để kiểm tra, xác minh thông tin, giấy tờ do cá nhân, tổ chức cung cấp khi giải quyết các thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ; giảm nhân lực để giải quyết thủ tục hành chính và quản lý hệ thống hồ sơ giấy tờ của công dân; phù hợp với xu hướng chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp: Giảm các loại giấy tờ, hồ sơ, thời gian thực hiện trong các giao dịch với cá nhân thông qua việc sử dụng thẻ Căn cước công dân đã được tích hợp thông tin.

- Đối với cá nhân: Không phải bảo quản, mang theo nhiều loại giấy tờ khác nhau khi cần sử dụng để thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự hay các hoạt động khác cần phải xuất trình giấy tờ cá nhân.

(2) Về mặt tiêu cực:

Quy định sẽ làm thay đổi thói quen, cách thức giải quyết các thủ tục hành

chính có liên quan; thay đổi cách thức cấp, quản lý, sử dụng giấy tờ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân.

c) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

(1) Về mặt tích cực:

- Đối với cơ quan nhà nước: Giảm hồ sơ, giấy tờ cần kiểm tra, lưu trữ khi giải quyết thủ tục hành chính.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân: Được giảm giấy tờ, tài liệu phải cung cấp khi thực hiện các thủ tục hành chính.

(2) Về mặt tiêu cực:

- Đối với cơ quan nhà nước: Phải thay đổi về quy trình, cách thức giải quyết các thủ tục hành chính có liên quan đến giấy tờ của công dân.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp: Không.

- Đối với cá nhân: Phải thực hiện thủ tục tích hợp thông tin vào thẻ Căn cước công dân khi có nhu cầu.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(1) Về mặt tích cực: Tạo cơ sở pháp lý về tích hợp, khai thác, sử dụng thông tin trên thẻ căn cước công dân.

(2) Về mặt tiêu cực: Phải thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để thực hiện chính sách.

Giải pháp 3: Bổ sung quy định về việc tích hợp một số thông tin có tính ổn định, được sử dụng thường xuyên của công dân ngoài thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân vào thẻ Căn cước công dân; thẻ Căn cước công dân có giá trị sử dụng để cung cấp thông tin về công dân và tương đương việc xuất trình các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp có thông tin đã được in hoặc tích hợp trong thẻ Căn cước công dân.

a) Tác động về kinh tế

(1) Về mặt tích cực:

- Đối với cơ quan nhà nước: Giảm chi phí giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức khi sử dụng thẻ Căn cước công dân có gắn chip đã được tích hợp các thông tin có liên quan đến lĩnh vực mình quản lý; không phải chi cho hoạt động in, sản xuất các giấy tờ cấp cho công dân (nếu công dân không có

nhu cầu hoặc chỉ cần bản điện tử). Cơ quan có thẩm quyền khi giải quyết thủ tục hành chính cho công dân sẽ cập nhật, bổ sung kết quả giải quyết vào cơ sở dữ liệu do mình quản lý và trả kết quả điện tử cho công dân. Cơ quan quản lý căn cước công dân sẽ khai thác thông tin công dân trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để tích hợp thông tin công dân có trên các cơ sở dữ liệu này vào thẻ Căn cước công dân theo yêu cầu của cơ quan nhà nước hoặc đề nghị của công dân.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp: Giảm chi phí trong thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự.

- Đối với cá nhân: Không phải tốn chi phí để thực hiện việc trích lục, chứng thực các loại giấy tờ của bản thân; giảm chi phí trong giải quyết thủ tục hành chính như bưu chính, kê khai nhiều loại giấy tờ khác nhau...

(2) Về mặt tiêu cực:

- Đối với cơ quan nhà nước: Phát sinh chi phí sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản để điều chỉnh chính sách. Các cơ quan phải đầu tư máy móc, thiết bị, số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu để quản lý tập trung các giấy tờ do mình cấp, quản lý.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp: Phát sinh chi phí về mua sắm máy móc, thiết bị để đọc, khai thác thông tin được tích hợp trong thẻ Căn cước công dân khi có nhu cầu.

- Đối với cá nhân: Không.

b) Tác động về xã hội

(1) Về mặt tích cực:

- Đối với cơ quan nhà nước: Không phải tốn nhiều thời gian để kiểm tra, xác minh thông tin, giấy tờ do cá nhân, tổ chức cung cấp khi giải quyết các thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ hành chính công; giảm nhân lực để giải quyết thủ tục hành chính và quản lý hệ thống hồ sơ giấy tờ của công dân; phù hợp với xu hướng chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước.

Việc sử dụng thẻ Căn cước công dân gắn chip đã được tích hợp thêm thông tin khác là một phương thức mới, ngoài phương thức hiện hành là sử dụng các giấy tờ hiện có do cơ quan có thẩm quyền cấp cho công dân. Quy định của chính sách này không xung đột với quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan trong việc quản lý, sử dụng các giấy tờ nêu trên. Việc tiếp tục cấp hoặc không cấp bản giấy các giấy tờ chứa thông tin đã được tích hợp vào thẻ Căn cước công dân do cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định.

Do vậy, việc thực hiện chính sách này không gây khó khăn cho công dân và công tác quản lý ngành, lĩnh vực của các bộ, ngành khác, mà còn tạo rất nhiều thuận lợi cho công dân khi thực hiện các thủ tục hành chính và giao dịch thương mại khác.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp: Giảm các loại giấy tờ, hồ sơ, thời gian thực hiện trong các giao dịch với cá nhân thông qua việc sử dụng thẻ Căn cước công dân đã được tích hợp thông tin.

- Đối với cá nhân: Không phải bảo quản, mang theo nhiều loại giấy tờ khác nhau khi cần sử dụng để thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự hay các hoạt động khác cần phải xuất trình giấy tờ cá nhân.

Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được phát triển, sử dụng nhiều ứng dụng, dịch vụ công nghệ số trên cơ sở các tiện ích của thẻ Căn cước công dân đã được tích hợp thông tin.

(2) Về mặt tiêu cực:

Quy định sẽ làm thay đổi thói quen, cách thức giải quyết các thủ tục hành chính có liên quan; thay đổi cách thức cấp, quản lý, sử dụng giấy tờ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân.

c) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

(1) Về mặt tích cực:

- Đối với cơ quan nhà nước: Giảm hồ sơ, giấy tờ cần kiểm tra, lưu trữ khi giải quyết thủ tục hành chính.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân: Được giảm giấy tờ, tài liệu phải cung cấp khi thực hiện các thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công.

(2) Về mặt tiêu cực:

- Đối với cơ quan nhà nước: Phải thay đổi về quy trình, cách thức giải quyết các thủ tục hành chính có liên quan đến giấy tờ của công dân.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp: Không.

- Đối với cá nhân: Phải thực hiện thủ tục tích hợp thông tin vào thẻ Căn cước công dân khi có nhu cầu.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(1) Về mặt tích cực:

Nội dung chính sách phù hợp với tuyên bố Công ước về các quyền dân sự và chính trị nhằm bảo đảm quyền con người, quyền bảo đảm bí mật cá nhân; các cam kết, thỏa thuận quốc tế của Việt Nam (như Công ước quyền trẻ em; Tuyên bố Băng cốc năm 2014 về khai sinh; Các thỏa thuận trong ASEAN về công nhận giấy phép lái xe; các thỏa thuận về công nhận văn bằng, chứng chỉ...).

Qua rà soát, nội dung chính sách này cơ bản phù hợp với quy định của Luật Cư trú, Luật Hộ tịch, Luật Quốc tịch, Luật Bảo hiểm Y tế, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Đất đai, Luật Công nghệ thông tin, Luật Tiếp cận thông tin, Luật Trẻ em, Luật Giao thông đường bộ....

Chính sách này sẽ tạo cơ sở pháp lý về tích hợp, khai thác, sử dụng thông tin trên thẻ Căn cước công dân; giảm việc phải mang và xuất trình nhiều loại giấy tờ của công dân khi thực hiện thủ tục hành chính hoặc các giao dịch dân sự; đồng thời, giúp giảm, bãi bỏ được một số quy định pháp luật liên quan đến cấp, quản lý một số loại giấy tờ của công dân; giải quyết được các bất cập liên quan đến quy định pháp luật về thủ tục hành chính, dịch vụ công.

(2) Về mặt tiêu cực: Phải thực hiện rà soát và sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để thực hiện chính sách.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Bộ Công an kiến nghị lựa chọn giải pháp 3 để thực hiện đơn giản hóa giấy tờ, thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; phù hợp với xu hướng chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước. Việc ban hành chính sách này thuộc thẩm quyền của Quốc hội và phải được quy định, điều chỉnh trong Luật Căn cước công dân (sửa đổi).

2. Chính sách 2: Bổ sung thông tin lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Theo Điều 9, Điều 15 Luật Căn cước công dân (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 37 Luật Cư trú năm 2020) thì thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân chỉ bao gồm một số nhóm thông tin; tuy nhiên, qua triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022, việc mở rộng, tích hợp thêm nhiều thông tin khác của công dân và người gốc Việt Nam là người không quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam (sau đây viết gọn là người gốc Việt Nam) trong các cơ sở dữ liệu chuyên ngành vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân là rất cần thiết; trực tiếp phục vụ cho việc ứng dụng tiện ích của thẻ

Căn cước công dân, tài khoản định danh điện tử, kết nối, chia sẻ, chứng thực dữ liệu công dân, phân tích, thiết lập bản đồ số dân cư. Do vậy, việc giới hạn các thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân theo quy định tại Điều 9, Điều 15 Luật Căn cước công dân nêu trên sẽ gây khó khăn khi triển khai Đề án, thực hiện chuyển đổi số quốc gia.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Để giải quyết khó khăn, vướng mắc, hướng tới thực hiện hiệu quả Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030:

- Bổ sung một số nhóm thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư gồm: Thông tin về số chứng minh nhân dân, căn cước công dân, ngày cấp, nơi cấp; người giám hộ, người được giám hộ; thông tin về diện chính sách; thông tin về người gốc Việt Nam...

- Chính lý Cơ sở dữ liệu căn cước công dân thành Cơ sở dữ liệu căn cước và bổ sung một số nhóm thông tin vào Cơ sở dữ liệu căn cước gồm: Một số thông tin sinh trắc học (móng mắt, ADN, giọng nói); thông tin về người gốc Việt Nam; tài khoản định danh điện tử của công dân Việt Nam (có hoặc không có).

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định có liên quan tại luật hiện hành.

Giải pháp 2: Bổ sung thông tin lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước đối với công dân Việt Nam.

Cụ thể là:

Bổ sung một số nhóm thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư gồm: Thông tin về số chứng minh nhân dân, căn cước công dân, ngày cấp, nơi cấp; người giám hộ, người được giám hộ; thông tin về diện chính sách; thông tin khác của công dân được chia sẻ, đồng bộ từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Chính lý, bổ sung một số nhóm thông tin vào Cơ sở dữ liệu căn cước công dân gồm: Một số thông tin sinh trắc học (móng mắt, ADN, giọng nói); tài khoản định danh điện tử của công dân Việt Nam (có hoặc không có).

Giải pháp 3: Bổ sung thông tin lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước đối với công dân Việt Nam và người gốc Việt Nam là người không quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam.

Cụ thể là:

- Bổ sung một số nhóm thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư gồm: Thông tin về số chứng minh nhân dân, căn cước công dân, ngày cấp, nơi

cấp; người giám hộ, người được giám hộ; thông tin về diện chính sách; thông tin về người gốc Việt Nam.

- Chính lý Cơ sở dữ liệu căn cước công dân thành Cơ sở dữ liệu căn cước.

- Bổ sung một số nhóm thông tin vào Cơ sở dữ liệu căn cước gồm: Thông tin sinh trắc học (móng mắt, ADN, giọng nói). Việc thu thập thông tin sinh trắc học về móng mắt, ADN, giọng nói chỉ áp dụng đối với một số người có tiền án, tiền sự phục vụ công tác phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật (quy định này tương đồng với quy định của nhiều nước trên thế giới như Trung Quốc, Mỹ, Anh, Pháp, Singapore, Hàn Quốc...); những thông tin này do các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan quản lý người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính (đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện bắt buộc...) thu thập trong quá trình xử lý vi phạm pháp luật và được chuyển cho cơ quan quản lý Căn cước công dân để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

- Bổ sung thông tin về người gốc Việt Nam; tài khoản định danh điện tử của công dân Việt Nam (có hoặc không có).

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định có liên quan tại luật hiện hành.

a) Tác động về kinh tế

(1) Về mặt tích cực:

- Đối với cơ quan nhà nước: không phát sinh chi phí sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản để điều chỉnh chính sách, không phải tốn chi phí thu thập, đồng bộ thông tin, đầu tư, nâng cấp máy móc, thiết bị để quản lý thông tin mới bổ sung vào cơ sở dữ liệu.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp: Không

- Đối với cá nhân: Không

(2) Về mặt tiêu cực:

- Đối với cơ quan nhà nước: Không tiết giảm chi phí trong thực hiện công tác chuyển đổi số; phải thiết lập, xây dựng nhiều loại cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác nhau, gây tốn kém, lãng phí ngân sách nhà nước.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp: Tốn chi phí trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công khi phải cung cấp, chứng minh các thông tin khác của cá nhân có liên quan đến thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công.

- Đối với cá nhân: Tốn chi phí trong giải quyết thủ tục hành chính, sử dụng dịch vụ công.

b) Tác động về xã hội

(1) Về mặt tích cực:

- Đối với cơ quan nhà nước: Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu không phải thực hiện việc thu thập, đồng bộ thông tin cá nhân; xác minh, kiểm tra tính chính xác của thông tin khi cập nhật, bổ sung vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp: Không

- Đối với cá nhân: Không phải thực hiện kê khai thông tin để bổ sung vào cơ sở dữ liệu nếu thông tin đó chưa có trong các cơ sở dữ liệu khác để đồng bộ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

(2) Về mặt tiêu cực:

- Đối với cơ quan nhà nước: Phải thực hiện các hoạt động điều tra, thu thập thông tin của cá nhân một cách đơn lẻ trong hoạt động quản lý nhà nước như xây dựng chính sách, quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển có sử dụng thông tin cá nhân để phân tích, đánh giá, dự báo; bố trí nhiều nhân lực, đầu mỗi quản lý thông tin cá nhân cần thu thập.

Không giải quyết được các bất cập liên quan đến xây dựng Chính phủ số; không phát huy giá trị của việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và tiện ích của thẻ Căn cước công dân, tài khoản định danh điện tử; nhất là trong việc xác thực thông tin cá nhân; thực hiện công tác thống kê, phân tích, dự báo, thiết lập bản đồ số dân cư;

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp: Không ứng dụng được các tiện ích của việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và tiện ích của thẻ Căn cước công dân, tài khoản định danh điện tử; nhất là trong các giao dịch của tổ chức, doanh nghiệp với cá nhân.

- Đối với cá nhân: Phải kê khai nhiều lần, mất nhiều thời gian làm việc với các cơ quan nhà nước khác nhau để cung cấp thông tin cá nhân; khó khăn trong việc khai thác, sử dụng thông tin mình đã cung cấp vì dữ liệu này nằm ở nhiều cơ sở dữ liệu, do nhiều cơ quan khác nhau quản lý; thông tin của cá nhân có thể không thống nhất trong các cơ sở dữ liệu khác nhau.

c) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

(1) Về mặt tích cực: Không làm thay đổi quy định về thủ tục hành chính

có liên quan đến việc khai thác, sử dụng thông tin của cá nhân trong các cơ sở dữ liệu hiện hành.

(2) Về mặt tiêu cực: Không giảm tải, thống nhất được các quy trình giải quyết thủ tục hành chính cần khai thác, sử dụng thông tin cá nhân trong các cơ sở dữ liệu do cơ quan nhà nước quản lý; cần phải đăng nhập, tra cứu, trích xuất thông tin của cá nhân tại nhiều cơ sở dữ liệu khác nhau khi giải quyết thủ tục hành chính.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(1) Về mặt tích cực: Không làm thay đổi quy định pháp luật có liên quan đến việc thu thập, cập nhật, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

(2) Về mặt tiêu cực: Không mở rộng, nâng cao được vai trò của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (là cơ sở dữ liệu dùng chung) trong xây dựng Chính phủ số; hạn chế giá trị khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và tiện ích của thẻ Căn cước công dân, tài khoản định danh điện tử; nhất là trong việc xác thực thông tin cá nhân phục vụ các hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; gây hạn chế trong công tác thống kê, phân tích, dự báo, thiết lập bản đồ số dân cư.

Giải pháp 2: Bổ sung thông tin lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước đối với công dân Việt Nam.

a) Tác động về kinh tế

(1) Về mặt tích cực:

- Đối với cơ quan nhà nước: Giảm chi phí trong quá trình chuyển đổi số quốc gia trong công tác chứng thực dữ liệu công dân, phân tích, thiết lập bản đồ số dân cư.

Các bộ, ngành, địa phương tiết kiệm được chi phí thu thập, làm sạch dữ liệu về dân cư khi có thể khai thác, sử dụng thông tin có sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (*khoảng 573 tỷ thu thập dữ liệu lần đầu và chi phí rà soát làm sạch dữ liệu (70.000 người x 180 ngày lao động/01 năm x 2 năm x 200.000đ/ngày = 5040 tỷ*)).

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp: Giảm chi phí khi thực hiện các giao dịch, giải quyết các vấn đề liên quan đến thông tin của công dân thông qua việc ứng dụng được các tiện ích của việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và tiện ích của thẻ Căn cước công dân, tài khoản định danh điện tử; phát triển kinh tế từ ứng dụng các tiện ích của thẻ căn cước công dân.

- Đối với cá nhân: Giảm chi phí trong giải quyết thủ tục hành chính, sử dụng dịch vụ công khi có thể khai thác, sử dụng thông tin của mình trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân

(2) Về mặt tiêu cực:

- Đối với cơ quan nhà nước: Phát sinh chi phí sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản để điều chỉnh chính sách; tốn chi phí thu thập, đồng bộ thông tin, đầu tư, nâng cấp máy móc, thiết bị để quản lý thông tin mới bổ sung vào cơ sở dữ liệu.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp: Không

- Đối với cá nhân: Không

b) Tác động về xã hội

(1) Về mặt tích cực:

- Đối với cơ quan nhà nước: Không phải thực hiện các hoạt động điều tra, thu thập thông tin của cá nhân một cách đơn lẻ trong hoạt động quản lý nhà nước như xây dựng chính sách, quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển có sử dụng thông tin cá nhân để phân tích, đánh giá, dự báo; giảm nhân lực và đầu môi cần bố trí để quản lý thông tin cá nhân. Làm giàu thêm thông tin của công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

Phát huy giá trị của việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và tiện ích của thẻ Căn cước công dân, tài khoản định danh điện tử; nhất là trong việc xác thực thông tin cá nhân; thực hiện công tác thống kê, phân tích, dự báo, thiết lập bản đồ số dân cư.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp: Có thể ứng dụng được các tiện ích của việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và tiện ích của thẻ Căn cước công dân, tài khoản định danh điện tử tạo thuận lợi trong thực hiện các giao dịch, giải quyết các vấn đề liên quan đến thông tin của công dân.

- Đối với cá nhân: Không phải kê khai nhiều lần, làm việc với nhiều cơ quan nhà nước khác nhau để cung cấp thông tin cá nhân; thuận lợi trong việc khai thác, sử dụng thông tin mình đã cung cấp vì dữ liệu này đã có tập trung ở Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

(2) Về mặt tiêu cực:

- Đối với cơ quan nhà nước: Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu phải thực hiện việc thu thập, đồng bộ thông tin cá nhân; xác minh, kiểm tra tính chính xác của thông tin khi cập nhật, bổ sung vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp: Không

- Đối với cá nhân: có thể phải thực hiện kê khai thông tin để bổ sung vào cơ sở dữ liệu nếu thông tin đó chưa có trong các cơ sở dữ liệu khác để đồng bộ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

c) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

(1) Về mặt tích cực: Chính sách này đem lại nhiều thuận lợi cho cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và các nhân; giúp giảm tải, thống nhất được các quy trình giải quyết thủ tục hành chính; việc khai thác, sử dụng thông tin cá nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân sẽ giúp giảm thiểu việc sử dụng các loại giấy tờ để chứng minh thông tin về công dân hoặc thực hiện các hoạt động xác minh thông tin có liên quan đến cá nhân trong nhiều thủ tục hành chính.

(2) Về mặt tiêu cực: Không.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(1) Về mặt tích cực:

Tạo cơ sở pháp lý để giải quyết những bất cập liên quan đến xây dựng Chính phủ số để phát huy giá trị của việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và tiện ích của thẻ Căn cước công dân, tài khoản định danh điện tử; nhất là trong việc xác thực thông tin cá nhân; thực hiện công tác thống kê, phân tích, dự báo, thiết lập bản đồ số dân cư;

Nhà nước không phải xây dựng các văn bản mới về thu thập, xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin của cá nhân trong các cơ sở dữ liệu do các cơ quan nhà nước khác nhau quản lý.

(2) Về mặt tiêu cực: Phải sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật hiện hành quy định về thu thập, xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin của cá nhân trong các cơ sở dữ liệu do các cơ quan nhà nước khác nhau quản lý. Tuy nhiên, vẫn chưa quản lý, giải quyết triệt để các khó khăn, vướng mắc trong quản lý người gốc Việt Nam.

Giải pháp 3: Bổ sung thông tin lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước đối với công dân Việt Nam và người gốc Việt Nam là người không quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam.

a) Tác động về kinh tế

(1) Về mặt tích cực:

- Đối với cơ quan nhà nước: Giảm chi phí trong quá trình chuyển đổi số quốc gia trong công tác chứng thực dữ liệu công dân, phân tích, thiết lập bản đồ số dân cư. Giảm chi phí trong quản lý người gốc Việt Nam.

Hiện nay việc kết nối, chia sẻ thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các bộ, ngành, địa phương đang được triển khai thực hiện quyết liệt đem lại những kết quả thiết thực, phục vụ có hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ hành chính công. Nhiều bộ, ngành, địa phương đã tiết kiệm được chi phí trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu riêng hoặc không cần thiết phải xây dựng cơ sở dữ liệu riêng khi đã được kết nối, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Việc đầu tư, nâng cấp, mở rộng, lưu trữ thông tin trong Cơ sở dữ liệu cơ sở quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân sẽ tiết kiệm hơn rất nhiều so với việc đầu tư các hệ thống riêng biệt để lưu trữ các thông tin này. Các thông tin được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cũng sẽ được chia sẻ phục vụ để việc khai thác chung cho các bộ, ngành, địa phương; cơ quan quản lý dữ liệu không phải thiết lập thêm các kênh kết nối, chia sẻ riêng đối với các thông tin đã được bổ sung, lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp: Giảm chi phí khi thực hiện các giao dịch, giải quyết các vấn đề liên quan đến thông tin của công dân, người gốc Việt Nam thông qua việc ứng dụng được các tiện ích của việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước và tiện ích của thẻ Căn cước công dân, tài khoản định danh điện tử; phát triển kinh tế từ ứng dụng các tiện ích của thẻ căn cước công dân.

- Đối với cá nhân: Giảm chi phí trong giải quyết thủ tục hành chính, sử dụng dịch vụ công khi có thể khai thác, sử dụng thông tin của mình trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

(2) Về mặt tiêu cực:

- Đối với cơ quan nhà nước: Phát sinh chi phí sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản để điều chỉnh chính sách; tốn chi phí thu thập, đồng bộ thông tin, đầu tư, nâng cấp máy móc, thiết bị để quản lý thông tin mới bổ sung vào cơ sở dữ liệu (như việc đầu tư thiết bị chụp ảnh chuyên dụng để thu thập thông tin về móng mắt; đầu tư hệ thống phòng thí nghiệm phân tích mẫu ADN với kinh phí đầu tư mỗi hệ thống phân tích khoảng 70 tỉ đồng và kinh phí hóa chất, vật tư tiêu hao khoảng 2 triệu đồng/mẫu máu; giọng nói...).

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp: Không

- Đối với cá nhân: Không

b) Tác động về xã hội

(1) Về mặt tích cực:

- Đối với cơ quan nhà nước: Không phải thực hiện các hoạt động điều tra, thu thập thông tin của công dân và người gốc Việt Nam một cách đơn lẻ trong hoạt động quản lý nhà nước như xây dựng chính sách, quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển có sử dụng thông tin cá nhân để phân tích, đánh giá, dự báo; giảm nhân lực và đầu mối cần bố trí để quản lý thông tin cá nhân. Làm giàu thêm thông tin của công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước; phát huy giá trị của việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước và tiện ích của thẻ Căn cước công dân, tài khoản định danh điện tử; nhất là trong việc xác thực thông tin cá nhân; thực hiện công tác thống kê, phân tích, dự báo, thiết lập bản đồ số dân cư và quản lý người gốc Việt Nam.

Trong quá trình thu thập thông tin về người gốc Việt Nam, cơ quan Công an phải phối hợp với các cơ quan có liên quan để kiểm tra, rà soát và xác minh rất kỹ lưỡng trước khi thu thập, cập nhật thông tin của họ vào Cơ sở dữ liệu để quản lý. Trong quá trình khai thác, sử dụng các thông tin này khi có biến động về thông tin hoặc điều chỉnh thông tin của cơ quan có thẩm quyền thì Bộ công an sẽ thu thập, kiểm tra và điều chỉnh cho phù hợp. Chính sách này sẽ tạo cơ sở pháp lý cho công tác quản lý nhà nước được chặt chẽ; đồng thời, tạo thuận lợi trong giải quyết chế độ chính sách cho người gốc Việt Nam là người không quốc tịch đang sinh sống ổn định, lâu dài tại Việt Nam.

Về thông tin sinh trắc học, hiện nay nhiều nước trên thế giới đã thu thập thông tin sinh trắc học khác của công dân (ngoài ảnh khuôn mặt và vân tay) như là đối với thông tin về ADN: Trung Quốc đã thu được 68 triệu công dân, Mỹ đã thu được 16 triệu công dân, Anh đã thu được 4,7 triệu công dân, Pháp đã thu được 3,7 triệu công dân, Singapore đã thu được 250 nghìn công dân, Hàn Quốc đã thu được 197 nghìn công dân...

Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là tài sản quốc gia, được Nhà nước bảo vệ theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia. Hiện nay, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được thiết kế, xây dựng đáp ứng cấp độ 4 về mức độ bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Do vậy, hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu bảo đảm an ninh, an toàn trong khi lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp: Có thể ứng dụng được các tiện ích của

việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước và tiện ích của thẻ Căn cước công dân, tài khoản định danh điện tử tạo thuận lợi trong thực hiện các giao dịch, giải quyết các vấn đề liên quan đến thông tin của công dân và người gốc Việt Nam.

- Đối với cá nhân: Công dân và người gốc Việt Nam không phải kê khai nhiều lần, làm việc với nhiều cơ quan nhà nước khác nhau để cung cấp thông tin cá nhân; thuận lợi trong việc khai thác, sử dụng thông tin mình đã cung cấp vì dữ liệu này đã có tập trung ở Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước. Nhà nước bảo đảm được quyền và lợi ích của công dân và người gốc Việt Nam.

(2) Về mặt tiêu cực:

- Đối với cơ quan nhà nước: Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu mất nhiều thời gian thực hiện việc thu thập, đồng bộ thông tin của công dân và người gốc Việt Nam; xác minh, kiểm tra tính chính xác của thông tin khi cập nhật, bổ sung vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp: Không

- Đối với cá nhân: Công dân và người gốc Việt Nam có thể phải thực hiện kê khai thông tin để bổ sung vào cơ sở dữ liệu nếu thông tin đó chưa có trong các cơ sở dữ liệu khác để đồng bộ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

c) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

(1) Về mặt tích cực: Giảm tải, thống nhất được các quy trình giải quyết thủ tục hành chính; bằng việc khai thác, sử dụng thông tin cá nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước có thể giúp giảm việc sử dụng các loại giấy tờ, xác minh thông tin có liên quan đến cá nhân trong nhiều thủ tục hành chính.

(2) Về mặt tiêu cực: Không có.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(1) Về mặt tích cực:

Tạo cơ sở pháp lý để thu thập, cập nhật thông tin của người gốc Việt Nam và một số thông tin khác của công dân Việt Nam vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

Tạo cơ sở pháp lý để giải quyết những bất cập liên quan đến xây dựng Chính phủ số để phát huy giá trị của việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước và tiện ích của thẻ Căn cước công dân, tài khoản định danh điện tử; nhất là trong việc xác thực thông tin cá nhân; thực hiện công tác thống kê, phân tích, dự báo, thiết lập bản đồ số dân cư.

Không phải xây dựng các văn bản mới về thu thập, xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin của cá nhân trong các cơ sở dữ liệu do các cơ quan nhà nước khác nhau quản lý.

Việc thu thập, cập nhật các thông tin sinh trắc học vào Cơ sở dữ liệu căn cước công dân được quy định trong Luật là bảo đảm quyền con người, quyền bảo đảm bí mật cá nhân quy định trong Hiến pháp, các văn bản pháp luật khác của Việt Nam.

(2) Về mặt tiêu cực: Phải sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật hiện hành quy định về thu thập, xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin của cá nhân trong các cơ sở dữ liệu do các cơ quan nhà nước khác nhau quản lý.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Bộ Công an kiến nghị lựa chọn giải pháp 3 để bảo đảm quản lý được toàn bộ dân cư sinh sống tại Việt Nam, tạo thuận lợi cho công tác hoạch định chính sách phát triển xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Việc ban hành chính sách này thuộc thẩm quyền của Quốc hội và phải được quy định, điều chỉnh trong Luật Căn cước công dân (sửa đổi).

3. Chính sách 3: Bổ sung đối tượng được cấp thẻ Căn cước công dân và đối tượng được cấp giấy chứng nhận căn cước.

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Tính đến ngày 16/7/2022, Bộ Công an đã cấp được hơn 67 triệu thẻ Căn cước công dân có gắn chip (bao gồm cả trường hợp cấp lần đầu và cấp đổi, cấp lại) cho khoảng 65 triệu công dân, còn khoảng hơn 14 triệu công dân từ đủ 14 tuổi trở lên chưa cấp thẻ Căn cước công dân gắn chip.

Luật Căn cước công dân không quy định về cấp thẻ Căn cước công dân cho toàn bộ công dân Việt Nam (loại trừ đối tượng là người dưới 14 tuổi, người không có nơi thường trú...) và cấp số định danh cá nhân, giấy chứng nhận căn cước cho trường hợp người gốc Việt Nam. Tuy nhiên, để bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng cho công dân Việt Nam liên quan đến cấp, sử dụng thẻ Căn cước công dân và giải quyết các vấn đề còn tồn tại liên quan đến yếu tố lịch sử, chiến tranh, cần phải có chính sách, quy định pháp luật để quản lý, giải quyết bất cập trong công tác quản lý dân cư; nhất là quy định về quản lý trường hợp người

gốc Việt Nam; bảo đảm cơ chế để họ có thể tham gia vào các giao dịch dân sự, dịch vụ công, nhất là các dịch vụ thiết yếu bảo đảm cuộc sống.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Bổ sung quy định về quản lý, cấp thẻ Căn cước công dân cho công dân Việt Nam dưới 14 tuổi (*hiện nay có khoảng 19 triệu người; gồm: 10 triệu nam giới và 09 triệu nữ giới*) và cấp giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam để bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của họ và phục vụ công tác quản lý nhà nước; phát huy giá trị, tiện ích của thẻ Căn cước công dân trong hoạt động của Chính phủ số, xã hội số. Các trường hợp được điều chỉnh bổ sung gồm:

- Bổ sung quy định cấp thẻ Căn cước công dân cho công dân là trẻ em dưới 14 tuổi; đối với trẻ em mới sinh việc thực hiện cấp thẻ Căn cước công dân được thực hiện đồng thời trong thủ tục liên thông khi đăng ký khai sinh.

Người từ đủ 14 tuổi trở lên phải bắt buộc thực hiện thủ tục cấp thẻ Căn cước công dân. Đối với người dưới 14 tuổi thực hiện việc cấp thẻ Căn cước công dân theo nhu cầu (không bắt buộc).

- Bổ sung quy định giải quyết vướng mắc trong cấp thẻ Căn cước công dân cho người không có nơi thường trú, không đầy đủ một số thông tin cá nhân khác như ngày, tháng sinh, quê quán (theo 03 cấp hành chính), có thông tin kê khai về dân tộc, tôn giáo khác không nằm trong danh mục quy định của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành.

- Bổ sung quy định về cấp giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam là người không quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam. Hiện nay có khoảng 31.117 trường hợp người gốc Việt Nam chưa có phương án giải quyết; trong đó, có 775 trường hợp là con lai giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài chưa xác định được quốc tịch (tập trung tại Gia Lai, Bạc Liêu, Vĩnh Long...); 10.650 trường hợp người không xác định được quốc tịch, chưa được đăng ký cư trú (tập trung tại Thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Đồng Tháp, Bình Dương, Đồng Nai...); 16.161 trường hợp người không có giấy tờ tùy thân (tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Đồng Tháp, Đồng Nai, Bình Dương)...

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Giải pháp 1. Giữ nguyên các quy định có liên quan tại luật hiện hành.

Giải pháp 2. Bổ sung quy định về quản lý, cấp thẻ Căn cước công dân cho công dân dưới 14 tuổi.

Giải pháp 3. Bổ sung, chỉnh lý quy định về quản lý, cấp thẻ Căn cước công dân; cấp thẻ Căn cước công dân cho công dân dưới 14 tuổi và cấp giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam là người không quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định có liên quan tại luật hiện hành.

a) Tác động về kinh tế

(1) Về mặt tích cực:

- Nhà nước không phát sinh chi phí sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản để điều chỉnh chính sách.

Cơ quan nhà nước không phải tốn chi phí thu thập, cập nhật thông tin của cá nhân cần quản lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân; không phải tốn chi phí để sản xuất, in thẻ Căn cước công dân cho công dân dưới 14 tuổi.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp: Không.

- Đối với cá nhân: Không.

(2) Về mặt tiêu cực:

- Đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân: Không phát huy giá trị của việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và tiện ích của thẻ Căn cước công dân, tài khoản định danh điện tử; nhất là trong việc xác thực thông tin cá nhân; thực hiện công tác thống kê, phân tích, dự báo, thiết lập bản đồ số dân cư; không tiết giảm chi phí trong thực hiện công tác chuyển đổi số.

- Đối với cơ quan nhà nước: Không tiết kiệm được chi phí quản lý dân cư khi thực tế vừa phải quản lý điện tử với công dân Việt Nam, vừa phải quản lý thủ công (giấy tờ, tài liệu, hồ sơ) đối với một số nhóm chủ thẻ đặc biệt, chưa quy định được cấp giấy chứng nhận căn cước.

- Đối với cá nhân: Hạn chế cơ hội để được tuyển dụng, lao động tạo ra của cải vật chất, ổn định cuộc sống (như đối với người gốc Việt Nam).

b) Tác động về xã hội

(1) Về mặt tích cực:

- Đối với cơ quan nhà nước: Không phải thực hiện việc thu thập thông tin cá nhân để cấp thẻ Căn cước công dân hoặc giấy chứng nhận căn cước; không phải tiến hành xác minh, kiểm tra tính chính xác của thông tin cá nhân để nghị cấp thẻ Căn cước công dân hoặc giấy chứng nhận căn cước.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp: Không.

- Đối với cá nhân: Không phải thực hiện kê khai thông tin để cơ quan quản lý nhà nước thực hiện cấp thẻ Căn cước công dân hoặc giấy chứng nhận căn cước.

(2) Về mặt tiêu cực:

- Đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân: Không giải quyết được các bất cập liên quan đến xây dựng Chính phủ số; phát huy các tiện ích, giá trị sử dụng của thẻ Căn cước công dân theo Đề án 06.

- Đối với cơ quan nhà nước: Không quản lý được toàn bộ dân cư sinh sống tại địa phương; gây khó khăn cho công tác hoạch định chính sách phát triển xã hội; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Đối với cá nhân: Không được nhà nước bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng do không đủ điều kiện cấp thẻ Căn cước công dân hoặc giấy chứng nhận căn cước; không thể tham gia được các giao dịch dân sự, nhất là các giao dịch thiết yếu phục vụ cuộc sống; khó khăn khi thực hiện thủ tục hành chính có yêu cầu phải xuất trình giấy tờ chứng minh thông tin nhân thân đối với một số chủ thẻ không đủ điều kiện cấp thẻ Căn cước công dân hoặc giấy chứng nhận căn cước.

c) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

(1) Về mặt tích cực: Không làm thay đổi quy định hiện hành về thủ tục cấp, cấp lại, cấp đổi thẻ Căn cước công dân.

(2) Về mặt tiêu cực: Không có thủ tục về cấp thẻ Căn cước công dân cho công dân Việt Nam dưới 14 tuổi, cấp giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(1) Về mặt tích cực: Không phải sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan quy định về việc cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân.

(2) Về mặt tiêu cực: Không có văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh toàn diện về việc quản lý dân cư; chưa có chính sách bảo đảm tốt hơn quyền, lợi ích của công dân Việt Nam dưới 14 tuổi liên quan đến tiện ích của thẻ Căn cước công dân; không có chính sách bảo đảm quyền, lợi ích của người gốc Việt Nam.

Giải pháp 2: Bổ sung quy định về quản lý, cấp thẻ Căn cước công dân cho công dân dưới 14 tuổi.

a) Tác động về kinh tế

(1) Về mặt tích cực:

- Đối với cơ quan nhà nước: Phát huy giá trị của việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân; thực hiện công tác thống kê, phân tích, dự báo, thiết lập bản đồ số dân cư; giảm chi phí

trong thực hiện công tác chuyển đổi số; không tốn chi phí trong cấp sổ tiêm chủng (10.000đ/sổ), sổ khám chữa bệnh (10.000đ/sổ/01 cơ sở y tế; trung bình 01 trẻ khám từ 02-03 cơ sở y tế), thẻ bảo hiểm y tế (5.000đ/thẻ/01 năm), thẻ học sinh (5.000đ/thẻ/01 năm học/người), chi phí ... (với số công dân dưới 14 tuổi là 19 triệu người thì ước tính số tiền mà nhà nước và xã hội phải chi là khoảng 2000 tỷ).

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân: Được cung cấp nhiều giải pháp, tiện ích phục vụ cả đối với công dân dưới 14 tuổi trên cơ sở sử dụng thẻ Căn cước công dân gắn chip; bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của công dân dưới 14 tuổi khi được sử dụng thẻ Căn cước công dân. Công dân là trẻ em dưới 14 tuổi có thể sử dụng thẻ Căn cước công dân (hoặc sử dụng thông qua bố, mẹ, người giám hộ) trong rất nhiều dịch vụ, tiện ích như tiêm chủng, khám, chữa bệnh, giáo dục, đi lại...

(2) Về mặt tiêu cực:

- Đối với cơ quan nhà nước: Phát sinh chi phí sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản để điều chỉnh chính sách. Cơ quan nhà nước phải tốn chi phí thu thập, cập nhật thông tin của công dân cần quản lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân; chi phí để sản xuất, in thẻ Căn cước công dân cho công dân dưới 14 tuổi (*chi phí sản xuất 01 thẻ Căn cước công dân là 48.000đ; chi phí sản xuất thẻ Căn cước công dân cho các công dân dưới 14 tuổi (trường hợp tất cả 19 triệu người đều có nhu cầu cấp) là khoảng hơn 900 tỷ đồng*).

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân: Chưa giải quyết được triệt để vấn đề tồn tại đối với người gốc Việt Nam; những chủ thể này vẫn chưa có chính sách, cơ hội được tuyển dụng, lao động tạo ra của cải vật chất, ổn định cuộc sống.

b) Tác động về xã hội

(1) Về mặt tích cực:

- Đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân: Bảo đảm việc phát huy các tiện ích, giá trị sử dụng của thẻ Căn cước công dân theo Đề án 06; giải quyết được các bất cập liên quan đến xây dựng Chính phủ số, xã hội số trong giai đoạn sắp tới.

- Đối với cơ quan nhà nước: Quản lý được toàn bộ công dân sinh sống tại địa phương; tạo thuận lợi cho công tác hoạch định chính sách phát triển xã hội; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Đối với cá nhân: Được nhà nước bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng khi được cấp, sử dụng thẻ Căn cước công dân; thuận lợi hơn khi tham gia các giao dịch dân sự, nhất là các giao dịch thiết yếu phục vụ cuộc sống và thực hiện thủ tục

hành chính có yêu cầu phải xuất trình giấy tờ chứng minh thông tin cá nhân.

Việc thực hiện cấp thẻ Căn cước công dân cho công dân dưới 14 tuổi là bảo đảm tính khả thi khi hiện nay đã có sự thay đổi về công nghệ thu nhận sinh trắc học của cá nhân như đối với vân tay thì sử dụng bộ thu nhận vân tay điện tử thay thế cho sử dụng mực lăn tay, chỉ bản nên có thể thực hiện thu nhận được vân tay của người từ đủ 05 tuổi trở lên vẫn bảo đảm yêu cầu về đối sánh dữ liệu sinh trắc học và yêu cầu quản lý nhà nước. Đối với việc thu nhận thông tin sinh trắc học về ảnh khuôn mặt thì có thể thu nhận được đối với tất cả cá nhân (bao gồm cả người dưới 14 tuổi). Thực tế việc thu nhận ảnh khuôn mặt đã được áp dụng và quy định trong việc cấp thị thực cho cả trẻ em dưới 14 tuổi tại khoản 2 Điều 7 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam và Thông tư số 04/2015/TT-BCA ngày 05/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 57/2020/TT-BCA ngày 10/6/2020).

Như vậy, đối với công dân dưới 06 tuổi thì được cấp thẻ Căn cước công dân bao gồm: (1) Các thông tin về số thẻ Căn cước công dân, họ, chữ đệm và tên khai sinh, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, quê quán, nơi thường trú; ngày, tháng, năm hết hạn; ngày, tháng, năm cấp thẻ; họ, chữ đệm và tên, chức danh, chữ ký của người cấp thẻ; (2) chíp, mã QR code có thông tin của công dân (không có thông tin về ảnh khuôn mặt và vân tay). Đối với công dân từ đủ 06 tuổi trở lên (độ tuổi bắt đầu nhập học tiểu học) thì được cấp thẻ Căn cước công dân bao gồm đầy đủ thông tin theo quy định chung của Luật (bao gồm cả ảnh khuôn mặt và vân tay).

(2) Về mặt tiêu cực:

- Đối với cơ quan nhà nước: Phải thực hiện việc thu thập, kiểm tra, xác minh tính chính xác của thông tin cá nhân để cấp thẻ Căn cước công dân cho công dân dưới 14 tuổi.

- Đối với cá nhân: Công dân là người dưới 14 tuổi có thể phải thực hiện kê khai thông tin để cơ quan quản lý nhà nước thực hiện cấp thẻ Căn cước công dân.

c) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

(1) Về mặt tích cực: Giảm thiểu được giấy tờ, thủ tục hành chính đối với công dân dưới 14 tuổi được cấp thẻ Căn cước công dân.

(2) Về mặt tiêu cực: Cần bổ sung quy trình, thủ tục cấp thẻ Căn cước công dân đối với công dân dưới 14 tuổi.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(1) Về mặt tích cực: Pháp luật về quản lý, cấp thẻ Căn cước công dân được hoàn thiện hơn, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của toàn bộ công dân Việt Nam, trong đó, có cả công dân là người dưới 14 tuổi.

(2) Về mặt tiêu cực: Phải sửa đổi, bổ sung quy định có liên quan đến quản lý, cấp thẻ Căn cước công dân trong đó bổ sung quy định về quản lý, cấp thẻ Căn cước công dân đối với công dân dưới 14 tuổi. Tuy nhiên, không có cơ chế, chính sách để quản lý chặt chẽ, thuận lợi hơn đối với người gốc Việt Nam.

Giải pháp 3: Bổ sung, chỉnh lý quy định về quản lý, cấp thẻ Căn cước công dân; cấp thẻ Căn cước công dân cho công dân dưới 14 tuổi và cấp giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam là người không quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam.

a) Tác động về kinh tế

(1) Về mặt tích cực:

- Đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân: Phát huy giá trị của việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và tiện ích của thẻ Căn cước công dân, giấy chứng nhận căn cước, tài khoản định danh điện tử; nhất là trong việc xác thực thông tin cá nhân; thực hiện công tác thống kê, phân tích, dự báo, thiết lập bản đồ số dân cư; giảm chi phí trong thực hiện công tác chuyển đổi số.

Khi công dân sử dụng thẻ Căn cước công dân có gắn chip đã được tích hợp thêm các thông tin trên giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền cấp thì sẽ tiết kiệm được các chi phí liên quan đến việc sao y, chứng thực, bảo quản các loại giấy tờ này; tiết kiệm được nguồn lực cho xã hội.

- Đối với cá nhân sinh sống tại Việt Nam: Được nhà nước bảo đảm các quyền, lợi ích chính đáng, tạo cơ hội để được tuyển dụng, lao động tạo ra của cải vật chất, ổn định cuộc sống.

(2) Về mặt tiêu cực:

- Đối với cơ quan nhà nước: Phát sinh chi phí sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản để điều chỉnh chính sách. Cơ quan nhà nước phải tốn chi phí thu thập, cập nhật thông tin của công dân cần quản lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân; chi phí để sản xuất, in thẻ Căn cước công dân cho công dân dưới 14 tuổi (chi phí cấp lần đầu) và cấp giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam (Việc cấp thẻ Căn cước công dân lần đầu cho người dưới 14 tuổi là miễn phí, khi công dân thực hiện cấp đổi, cấp

lại thẻ Căn cước công dân thì mới phải nộp phí theo quy định, không phải tốn thêm chi phí cho nhà nước).

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân: Không.

b) Tác động về xã hội

(1) Về mặt tích cực:

- Có đầy đủ các mặt tích cực, tính khả thi như quy định tại Giải pháp 2; giải quyết được các bất cập liên quan đến xây dựng Chính phủ số, xã hội số; phát huy các tiện ích, giá trị sử dụng của thẻ Căn cước công dân theo Đề án 06, có thể so sánh cụ thể như:

Việc cấp thẻ Căn cước công dân cấp cho người dưới 14 tuổi không thay thế cho việc cấp giấy khai sinh. Ủy ban nhân dân cấp xã vẫn thực hiện cấp giấy khai sinh cho công dân theo quy định của pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, việc sử dụng giấy khai sinh với kích thước của tờ A4, dễ rách nát, hư hỏng, khó bảo quản và chỉ được cấp một lần trong suốt cuộc đời; giấy này chỉ có các biện pháp bảo mật, chống làm giả sơ sài, lạc hậu, dễ bị làm giả và chứa rất ít thông tin của công dân nên sẽ gây rất nhiều khó khăn, bất tiện cho công dân. Trong khi đó, thẻ Căn cước công dân cấp cho người dưới 14 tuổi với kích thước nhỏ gọn, chất liệu tốt, tính bảo mật, bảo an cao và còn có thể tích hợp thêm rất nhiều thông tin khác theo nhu cầu của công dân sẽ mang lại nhiều tiện ích cho công dân trong việc đi lại, học tập, khám chữa bệnh và thực hiện các giao dịch khác trong đời sống hàng ngày.

- Đối với cơ quan nhà nước: Sẽ quản lý được toàn bộ dân cư sinh sống tại địa phương; tạo thuận lợi cho công tác hoạch định chính sách phát triển xã hội; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội (Nếu không quy định chính sách này thì không có điều kiện để quản lý được toàn bộ dân cư sinh sống ở nước ta; gây khó khăn cho công tác hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Trường hợp người gốc Việt Nam không được thu thập thông tin, dữ liệu và quản lý mà vi phạm pháp luật thì cơ quan nhà nước sẽ không có thông tin để tra cứu, xác minh, nhất là thông tin sinh trắc học về vân tay, ảnh chân dung, gây khó khăn cho việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội).

- Đối với cá nhân: Được nhà nước bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng khi được cấp, sử dụng thẻ Căn cước công dân, cấp giấy chứng nhận căn cước; có thể sử dụng thẻ Căn cước công dân, giấy chứng nhận căn cước tham gia được các giao dịch dân sự, nhất là các giao dịch thiết yếu phục vụ cuộc sống; thuận lợi khi thực hiện thủ tục hành chính có yêu cầu phải xuất trình giấy tờ chứng minh thông tin cá nhân.

(2) Về mặt tiêu cực:

- Đối với cơ quan nhà nước: Phải thực hiện việc thu thập, kiểm tra, xác

minh tính chính xác của thông tin cá nhân để cấp thẻ Căn cước công dân cho công dân dưới 14 tuổi và giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam.

- Đối với cá nhân: Công dân là người dưới 14 tuổi và người gốc Việt Nam có thể phải thực hiện kê khai thông tin để cơ quan quản lý nhà nước thực hiện cấp thẻ Căn cước công dân, giấy chứng nhận căn cước.

c) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

(1) Về mặt tích cực: Giảm thời gian thực hiện thủ tục cấp đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân khi công dân đó đã có thông tin về thẻ Căn cước công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

Giảm thiểu được giấy tờ, thủ tục hành chính đối với công dân dưới 14 tuổi được cấp thẻ Căn cước công dân và có cơ sở để cung cấp, giải quyết một số thủ tục hành chính liên quan đến người gốc Việt Nam (như khai báo cư trú, giải quyết chế độ, chính sách...).

(2) Về mặt tiêu cực: Cần bổ sung quy trình, thủ tục cấp thẻ Căn cước công dân (như đối với người dưới 14 tuổi), giấy chứng nhận căn cước đối với người gốc Việt Nam.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(1) Về mặt tích cực: Bổ sung đầy đủ quy định pháp luật về việc cấp thẻ Căn cước công dân cho toàn bộ công dân Việt Nam; quản lý, cấp giấy chứng nhận căn cước đối với người gốc Việt Nam.

Việc cấp thẻ Căn cước công dân cho công dân dưới 14 tuổi phù hợp với quy định pháp luật về xuất nhập cảnh và các quy định pháp luật khác có liên quan; đồng thời, phù hợp với pháp luật của nhiều nước trên thế giới quy định về việc cấp thẻ Căn cước cho cả công dân dưới 14 tuổi như: Algeria, Argentina, Bỉ, Bhutan, Brunei, Chile, Colombia, Síp, Equatorial Guinea, Đức, Guatemala, Kuwait, Malaysia, Monaco, Bồ Đào Nha, Rwanda, Syria, Thái Lan...

Việc quản lý và áp dụng chính sách đối với người gốc Việt Nam là người không quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam không trái với quy định của Luật Quốc tịch và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

(2) Về mặt tiêu cực: Phải sửa đổi, bổ sung quy định có liên quan đến quản lý, cấp thẻ Căn cước công dân cho công dân Việt Nam dưới 14 tuổi và cấp giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam. Đồng thời, sửa đổi, bổ sung

pháp luật khác có liên quan (như Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam).

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Bộ Công an kiến nghị lựa chọn giải pháp 3 để bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng cho công dân Việt Nam khi được cấp, sử dụng thẻ Căn cước công dân và người gốc Việt Nam khi được cấp giấy chứng nhận căn cước. Các chủ thể này có thể sử dụng thẻ Căn cước công dân, giấy chứng nhận căn cước tham gia được các giao dịch dân sự, nhất là các giao dịch thiết yếu phục vụ cuộc sống. Việc ban hành chính sách này thuộc thẩm quyền của Quốc hội và phải được quy định, điều chỉnh trong Luật Căn cước công dân (sửa đổi).

4. Chính sách 4: Hoàn thiện quy định về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân; tài khoản định danh điện tử (căn cước điện tử) và việc sử dụng tài khoản định danh điện tử; cấp, hủy số định danh cá nhân; quy định về việc sử dụng thống nhất thẻ Căn cước công dân và việc hạn chế phát sinh thủ tục hành chính có liên quan.

4.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật Căn cước công dân là văn bản quy phạm pháp luật quan trọng, quy định việc chuyển đổi từ cấp, sử dụng Chứng minh nhân dân sang cấp, sử dụng bằng thẻ Căn cước công dân; tuy nhiên, nhiều cơ quan, tổ chức đã yêu cầu công dân bắt buộc phải thực hiện các thủ tục để cập nhật, điều chỉnh lại thông tin trên giấy tờ, tài liệu đã cấp trước đây cho công dân (có thông tin về Chứng minh nhân dân) bằng thông tin về thẻ Căn cước công dân (như trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, bảo hiểm, tài chính, ngân hàng...) gây khó khăn, phiền hà cho công dân. Do vậy, cần bổ sung vào Luật Căn cước công dân quy định chuyển tiếp để bảo đảm việc sử dụng, thay thế từ Chứng minh nhân dân sang thẻ Căn cước công dân của công dân được thuận lợi hơn; hạn chế phát sinh các thủ tục khác đối với công dân.

Hiện nay, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã kết nối với hệ thống thông tin của Văn phòng Chính phủ qua trục kết nối, tích hợp quốc gia (VDXP), của Bộ Thông tin và Truyền thông qua trục kết nối, tích hợp quốc gia (NDXP) và kết nối, chia sẻ thông tin với 06 cơ sở dữ liệu của Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ gồm: Cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo hiểm (của Bảo hiểm xã hội Việt Nam), Cơ sở dữ liệu về giáo viên, học sinh (của Bộ Giáo dục và Đào tạo), Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (của Bộ Kế hoạch và Đầu tư), Cơ sở dữ liệu về tiêm chủng (của Bộ Y tế), Cơ sở dữ liệu về trẻ em (của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội), Dữ liệu về đăng ký khai sinh (của Bộ Tư pháp).

Đồng thời, kết nối với hệ thống dịch vụ công, một cửa điện tử của bộ, ngành, địa phương gồm: các đơn vị bộ, ngành (Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tổng

cục thuế của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp...); Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn VNPT – Vinaphone, Tập đoàn Viettel, Tổng công ty MobiFone, Tập đoàn điện lực, BIDV, Vietinbank...; các địa phương (Hà Nội, Yên Bái, Lai Châu, Ninh Bình, Lào Cai, Cao Bằng, Nghệ An, Điện Biên, Quảng Ninh, Bắc Giang, Tuyên Quang, Thừa Thiên Huế, Hải Dương, Hà Tĩnh...). Dự kiến năm 2023 sẽ thực hiện kết nối với toàn bộ các bộ, ngành, địa phương còn lại để phục vụ việc giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công theo Kế hoạch của Đề án 06 về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Bên cạnh đó, Bộ Công an đang cung cấp nhiều dịch vụ khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho các bộ, ngành, địa phương như: (1) Dịch vụ xác thực thông tin công dân; (2) Dịch vụ xác thực thông tin hộ gia đình; (3) Dịch vụ tra cứu thông tin công dân; (4) Dịch vụ gợi ý số định danh cá nhân yêu cầu có số chứng minh nhân dân; (5) Dịch vụ gợi ý số định danh không yêu cầu có số chứng minh nhân dân; (6) Dịch vụ xác nhận số định danh cá nhân và số chứng minh nhân dân... Bộ Công an đã triển khai việc kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu khác do Bộ Công an quản lý như Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh, Cơ sở dữ liệu về đăng ký phương tiện giao thông, Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông để cung cấp các dịch vụ công tới công dân thuận tiện hơn như nộp phạt trực tuyến, cấp hộ chiếu trực tuyến, nộp hồ sơ đăng ký xe trực tuyến... Các dịch vụ này trong thời gian qua đã được triển khai rất hiệu quả, đem lại nhiều thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước, tiết kiệm cho ngân sách nhà nước, nổi bật nhất việc kết nối, chia sẻ thông tin với Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tổng cục Thuế Bộ Tài chính, UBND tỉnh Thái Nguyên, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, UBND thành phố Hà Nội; UBND thành phố Hồ Chí Minh... Đến tháng 11/2022, tổng các yêu cầu tích hợp, xác thực, tra cứu thông tin do Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã xử lý cho các bộ ngành, địa phương là: 397.329.846 yêu cầu.

Tuy nhiên, các quy định của Luật Căn cước công dân về việc quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu Căn cước công dân còn chưa được đầy đủ, bao quát. Luật Căn cước công dân mới chỉ tập trung vào việc quản lý công dân qua Cơ sở dữ liệu căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, qua thẻ Căn cước công dân mà chưa có quy định về tài khoản định danh điện tử (căn cước điện tử) đối với cá nhân trên môi trường điện tử. Quy định pháp luật quy định về các vấn đề trên chủ yếu được quy định ở các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành luật, văn bản dưới luật (như Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015, Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021, Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày

05/9/2022 quy định về định danh và xác thực điện tử...); trong khi đó, đây là vấn đề lớn, tác động rộng rãi đến nhiều chủ thể khác nhau bao gồm các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức, doanh nghiệp được giao thực hiện một số dịch vụ công và tổ chức, cá nhân khác nên cần được luật hóa để bảo đảm đúng tinh thần của Hiến pháp là các quy định liên quan đến quyền con người, quyền công dân cần phải ban hành dưới hình thức luật (khoản 2 Điều 14 Hiến pháp), bảo đảm, bảo vệ được quyền, lợi ích chính đáng của cá nhân.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Bổ sung quy định về:

- Tài khoản định danh điện tử (căn cước điện tử) đối với cá nhân để thực hiện các thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công và giao dịch dân sự trên môi trường điện tử.

- Hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp tài khoản định danh điện tử (căn cước điện tử).

- Sử dụng tài khoản định danh điện tử (căn cước điện tử) và thông tin được tích hợp trong tài khoản định danh điện tử.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân cho đầy đủ, bao quát, phù hợp với thực tiễn triển khai dự án xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, sản xuất, cấp và quản lý căn cước công dân.

- Sửa đổi, bổ sung quy định chuyên tiếp về thời hạn sử dụng thống nhất thẻ Căn cước công dân (gắn chíp) thay thế cho Chứng minh nhân dân và thẻ Căn cước công dân có mã vạch để tăng cường bảo mật, chống làm giả và phát huy hiệu quả khai thác, ứng dụng tiện ích mới của thẻ Căn cước công dân; đồng thời, bổ sung quy định hạn chế việc buộc thay đổi, điều chỉnh thông tin trên giấy tờ, tài liệu của công dân có sử dụng thông tin Chứng minh nhân dân bằng thông tin về thẻ Căn cước công dân qua ứng dụng mã QR code và chíp điện tử trên thẻ Căn cước công dân.

- Bổ sung quy định về việc cấp, hủy số định danh cá nhân với trường hợp công dân có quyết định thôi quốc tịch, công dân được nhập trở lại quốc tịch Việt Nam.

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định có liên quan tại luật hiện hành.

Giải pháp 2: Hoàn thiện quy định về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân; cấp, hủy số định danh cá nhân; quy định về việc sử dụng thống nhất thẻ Căn cước công dân và việc hạn chế phát sinh thủ tục hành chính có liên quan;

đồng thời, giao Chính phủ quy định toàn bộ nội dung về tài khoản định danh điện tử.

Giải pháp 3: Hoàn thiện quy định về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân; cấp, hủy số định danh cá nhân; quy định về việc sử dụng thống nhất thẻ Căn cước công dân và việc hạn chế phát sinh thủ tục hành chính có liên quan; đồng thời, quy định tại Luật nội dung cơ bản về tài khoản định danh điện tử (căn cước điện tử); giao Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về trình tự, thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử.

4.4. Đánh giá tác động của giải pháp

Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định có liên quan tại luật hiện hành.

a) Tác động về kinh tế

(1) Về mặt tích cực:

- Đối với Nhà nước không phát sinh chi phí xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản hiện hành.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân không phải tốn chi phí để cập nhật, bổ sung quy định pháp luật mới, không phát sinh chi phí thực hiện thủ tục hành chính, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

(2) Về mặt tiêu cực:

- Đối với Nhà nước sẽ không giảm được chi phí khi triển khai cung cấp các dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử; việc vận hành, quản lý các cơ sở dữ liệu.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tốn chi phí để bảo đảm an ninh, an toàn khi tham gia các hoạt động giao dịch điện tử; khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân;

b) Tác động về xã hội

(1) Về mặt tích cực:

- Đối với Nhà nước không phải điều chỉnh các chính sách về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân; cấp, hủy số định danh cá nhân, tổ chức; xác thực cá nhân, tổ chức trên môi trường điện tử; chuyển tiếp sử dụng thẻ Căn cước công dân.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân: Không phải cập nhật quy định pháp luật và thay đổi thói quen trong việc khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu, thẻ Căn cước công dân.

(2) Về mặt tiêu cực:

- Đối với Nhà nước:

Không giải quyết được các khó khăn, vướng mắc liên quan đến quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân; cấp, hủy số định danh cá nhân, tổ chức; xác thực cá nhân, tổ chức trên môi trường điện tử; chuyển tiếp sử dụng thẻ Căn cước công dân.

Chưa cung cấp, phát huy được giá trị của các tiện ích liên quan đến ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước công dân, thẻ Căn cước công dân đến tổ chức, cá nhân.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân không được bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng khi khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu, thẻ Căn cước công dân.

c) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

(1) Về mặt tích cực: không có

(2) Về mặt tiêu cực: Phát sinh nhiều thủ tục khác nhau liên quan đến cập nhật, bổ sung, đính chính thông tin căn công dân; cấp, hủy số định danh cá nhân.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(1) Về mặt tích cực: Không phải sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật.

(2) Về mặt tiêu cực: Quy định pháp luật liên quan không được hoàn thiện, đồng bộ, thiếu tính cập nhật, tương thích với xu thế chuyển đổi số, quy định pháp luật của các nước trên thế giới.

Giải pháp 2: Hoàn thiện quy định về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân; cấp, hủy số định danh cá nhân; quy định về việc sử dụng thống nhất thẻ Căn cước công dân và việc hạn chế phát sinh thủ tục hành chính có liên quan; đồng thời, giao Chính phủ quy định toàn bộ nội dung về tài khoản định danh điện tử.

a) Tác động về kinh tế:

(1) Về mặt tích cực:

- Đối với Nhà nước sẽ giảm được chi phí khi triển khai cung cấp các dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử; việc vận hành, quản lý các cơ sở

dữ liệu.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hạn chế phát sinh chi phí để bảo đảm an ninh, an toàn khi tham gia các hoạt động giao dịch điện tử; khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân;

(2) Về mặt tiêu cực:

- Đối với Nhà nước phát sinh chi phí xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản hiện hành.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân phải tốn chi phí để cập nhật, bổ sung quy định pháp luật mới, có thể phát sinh chi phí thực hiện thủ tục hành chính, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

b) Tác động về xã hội

(1) Về mặt tích cực:

- Đối với Nhà nước:

Giải quyết được các khó khăn, vướng mắc liên quan đến quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân; cấp, hủy số định danh cá nhân, tổ chức; xác thực cá nhân, tổ chức trên môi trường điện tử; chuyển tiếp sử dụng thẻ Căn cước công dân.

Cung cấp, phát huy được giá trị của các tiện ích liên quan đến ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước công dân, thẻ Căn cước công dân đến tổ chức, cá nhân.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng khi khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu, thẻ Căn cước công dân.

(2) Về mặt tiêu cực:

- Đối với Nhà nước phải điều chỉnh các chính sách về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân; cấp, hủy số định danh cá nhân, tổ chức; xác thực cá nhân, tổ chức trên môi trường điện tử; chuyển tiếp sử dụng thẻ Căn cước công dân.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân phải cập nhật quy định pháp luật và thay đổi thói quen trong việc khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu, thẻ Căn cước công dân.

c) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

(1) Về mặt tích cực: Cắt giảm và đơn giản hóa được nhiều thủ tục hành chính liên quan đến cập nhật, bổ sung, đính chính thông tin căn cước công dân; cấp, hủy số định danh cá nhân.

(2) Về mặt tiêu cực: Không có.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(1) Về mặt tích cực: Quy định pháp luật liên quan đến quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân; cấp, hủy số định danh cá nhân được hoàn thiện, đồng bộ, cập nhật, tương thích với xu thế chuyển đổi số, quy định pháp luật của các nước trên thế giới.

(2) Về mặt tiêu cực: Phải sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (như Luật Đầu tư năm 2020).

Giải pháp 3: Hoàn thiện quy định về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân; cấp, hủy số định danh cá nhân; quy định về việc sử dụng thống nhất thẻ Căn cước công dân và việc hạn chế phát sinh thủ tục hành chính có liên quan; đồng thời, quy định tại Luật nội dung cơ bản về tài khoản định danh điện tử; giao Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về trình tự, thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử.

a) Tác động về kinh tế:

(1) Về mặt tích cực:

- Đối với Nhà nước sẽ giảm được chi phí khi triển khai cung cấp các dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử; việc vận hành, quản lý các cơ sở dữ liệu.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hạn chế phát sinh chi phí để đảm bảo an ninh, an toàn khi tham gia các hoạt động giao dịch điện tử; khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân;

(2) Về mặt tiêu cực:

- Đối với Nhà nước phát sinh chi phí xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản hiện hành.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân phải tốn chi phí để cập nhật, bổ sung quy định pháp luật mới, có thể phát sinh chi phí thực hiện thủ tục hành chính, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

b) Tác động về xã hội

(1) Về mặt tích cực:

- Đối với Nhà nước:

Giải quyết được các khó khăn, vướng mắc liên quan đến quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân; cấp, hủy số định danh cá nhân, tổ chức; xác thực cá nhân, tổ chức trên môi trường điện tử; chuyển tiếp sử dụng thẻ Căn cước công dân.

Cung cấp, phát huy được giá trị của các tiện ích liên quan đến ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước công dân, thẻ Căn cước công dân đến tổ chức, cá nhân.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng khi khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu, thẻ Căn cước công dân; sử dụng các tiện ích của tài khoản định danh điện tử.

Hiện nay, hệ thống định danh và xác thực điện tử được thiết kế có thể đáp ứng được 180.000.000 lượt truy cập/ngày vào ứng dụng VNeID. Tài khoản định danh điện tử được tích hợp trên ứng dụng VNeID do Bộ Công an xây dựng, phát triển, quản lý đã có nhiều tính năng, tiện ích như: Thông báo lưu trú; tiếp nhận kiến nghị, phản ánh an ninh, trật tự; ví giấy tờ (hiển thị thông tin các giấy tờ của các cá nhân như giấy phép lái xe, thẻ bảo hiểm y tế), thông tin người phụ thuộc... và đang tiếp tục được xây dựng, phát triển thêm nhiều tiện ích khác phục vụ nhân dân như tiện ích liên quan đến an sinh xã hội, đăng ký chứng thư số phục vụ giao dịch điện tử, dịch vụ công...

(2) Về mặt tiêu cực:

- Đối với Nhà nước phải điều chỉnh các chính sách về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân; cấp, hủy số định danh cá nhân, tổ chức...

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân phải cập nhật quy định pháp luật và thay đổi thói quen trong việc khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu, thẻ Căn cước công dân.

c) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

(1) Về mặt tích cực: Cắt giảm và đơn giản hóa được nhiều thủ tục hành chính liên quan đến cập nhật, bổ sung, đính chính thông tin căn cước công dân; cấp,

hủy số định danh cá nhân.

(2) Về mặt tiêu cực: Không có.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(1) Về mặt tích cực: Quy định pháp luật liên quan đến quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân; cấp, hủy số định danh cá nhân được hoàn thiện, đồng bộ, cập nhật, tương thích với xu thế chuyển đổi số, quy định pháp luật của các nước trên thế giới.

Nâng cao giá trị pháp lý của các quy định về tài khoản định danh điện tử; Chính phủ chỉ quy định chi tiết một số nội dung về trình tự, thủ tục liên quan đến tài khoản định danh điện tử.

(2) Về mặt tiêu cực: Phải sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (như Luật Đầu tư năm 2020).

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Bộ Công an kiến nghị lựa chọn giải pháp 3 để góp phần hoàn thiện quy định về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân; bảo đảm quản lý đối với toàn bộ hoạt động liên quan đến thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử và giao dịch điện tử khác. Việc ban hành chính sách này thuộc thẩm quyền của Quốc hội và phải được quy định, điều chỉnh trong Luật Căn cước công dân (sửa đổi).

III. Ý KIẾN THAM VẤN

Bộ Công an đã gửi dự thảo Báo cáo đánh giá tác động và hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Căn cước công dân (sửa đổi) để lấy ý kiến tham gia của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Công an các đơn vị, địa phương. Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động cũng đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ Công an để lấy ý kiến tham gia của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định.

Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến tham gia, Bộ Công an đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia và chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành có liên quan.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Việc tổ chức thi hành Luật Căn cước công dân (sửa đổi) liên quan trực tiếp đến các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương. Do đó, trách nhiệm thi hành luật là trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; trong đó, trách nhiệm chính là của Chính phủ với vai trò là cơ quan hành pháp có trách nhiệm tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật và cơ quan đầu mối giúp Chính phủ tổ chức thi hành Luật Căn cước công dân (sửa đổi) là Bộ Công an.

2. Giám sát, đánh giá việc thực hiện Luật Căn cước công dân (sửa đổi) thuộc trách nhiệm của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể giám sát việc triển khai thi hành Luật.

Trên đây là nội dung Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đề nghị xây dựng Luật Căn cước công dân (sửa đổi)/.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- C06;
- Lưu: VT, V03 (P3).

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Đại tướng Tô Lâm